TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 26/01/2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Trung.
2. Bà Võ Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng H Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/- Ông Phan Văn X, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2/- Bà Trần Thị D, sinh năm 1960.
Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
(Bà D ủy quyền cho ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2021, biên bản hòa giải ngày 08/6/2021, ông Huỳnh Văn H (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D) trình bày:*

Nguyên vào ngày 20/8/2018, bà Lê Thị G có vay của vợ chồng ông số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để trả nợ ngân hàng, có lập biên nhận nợ do bà G ký tên, nói miệng khoảng 1 – 2 tháng trả, lãi suất thỏa thuận miệng cũng là 3%/tháng. Sau khi vay bà G có đóng lãi được số tiền 3.000.000đ thì không đóng lãi nữa

mà cũng không trả nợ cho vợ chồng ông. Ông đã gửi đơn đến ấp Kinh Mới và Ủy ban nhân dân xã T giải quyết nhiều lần và bà G có trả được cho ông số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Hiện nay bà G với ông Phan Văn X sống chung với nhau nhưng không biết có đăng ký kết hôn hay không mà khi cho vay thì bà G với ông X đã cưới nhau rồi nên nay ông yêu cầu bà Lê Thị G và ông Phan Văn X phải liên đới trả cho ông số tiền vay còn thiếu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 là 48 tháng với mức lãi suất 1.3%/tháng, thành tiền lãi là 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 168.360.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021, biên bản hòa giải ngày 08/6/2021, bà Lê Thị G trình bày:*

Vào ngày 25/8/2016 âm lịch, bà có vay tiền của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị D số tiền 42.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, không có lập biên nhận nợ, thời gian trả nợ cũng không có nói mà cứ đóng lãi hàng tháng, đóng đến tháng 10/2018 thì không đóng nữa nhưng số tiền lãi đã đóng bao nhiêu thì bà không nhớ. Bà vay tiền này là vay dùm thông gia nên bà không có nói với chồng là ông Phan Văn X. Đồng thời, ngày 28/8/2016 âm lịch bà có vay tiếp số tiền 15.000.000đ, lãi suất cho vay cũng là 6%/tháng, không có lập biên nhận, bà cũng đóng lãi đến tháng 10/2018 thì không đóng lãi nữa nên mới cộng lãi vào nợ gốc thành số tiền 150.000.000đ của biên nhận ngày 20/8/2018, do bà ký tên và có Đoàn Văn Vũ, Nguyễn Thị Nhớ làm chứng. Đồng thời cũng năm 2016 bà có vay số tiền 3.000.000đ của ông H nên tổng số nợ gốc bà vay của ông H chỉ có 60.000.000đ, còn tiền lãi cộng dồn là 90.000.000đ. Bà và ông X cưới nhau cách nay khoảng hơn 30 năm và hiện nay vẫn còn sống chung bình thường. Nay ông H yêu cầu bà cùng ông X phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 là 48 tháng với mức lãi suất 1.3%/tháng, thành tiền lãi là 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 168.360.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) thì bà chỉ đồng ý trả số nợ gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), còn số nợ lãi cộng dồn 90.000.000đ và tiền lãi 48.360.000đ thì bà xin không trả và cũng không yêu cầu ông X cùng liên đới trả với bà vì ông X không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn H (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D) trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu bà Lê Thị G và ông Phan Văn X phải liên đới trả cho ông và bà D số tiền nợ vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 là 31 tháng chứ không phải 48 tháng như biên bản hòa giải trình bày, với mức lãi suất 1.3%/tháng, thành tiền lãi là 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 168.360.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Bà Lê Thị G trình bày: Bà vẫn giữ nguyên lời trình bày là bà đồng ý trả số tiền vay 60.000.000đ cho ông Huỳnh Văn H; còn số nợ lãi cộng dồn 90.000.000đ và tiền lãi từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 (31 tháng) với mức lãi suất 1.3%/tháng là

48.360.000đ thì bà xin không trả và không yêu cầu ông X cùng liên đới trả số tiền nợ vay cho ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử, thành viên Hội đồng xét xử là những người có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện được sự vô tư khách quan khi xét xử. Do đó, vụ án đưa ra xét xử là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn X và bà Lê Thị G phải trả số tiền nợ vay còn thiếu 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và nợ lãi 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn X đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ hai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông X là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu bà Lê Thị G, ông Phan Văn X liên đới trả cho ông H, bà D số tiền vay còn thiếu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 là 31 tháng với mức lãi suất 1.3%/tháng, thành tiền lãi là 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 168.360.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021, biên bản hòa giải ngày 08/6/2021 của Tòa án, bà Lê Thị G thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 20/8/2018 mà ông Huỳnh Văn H cung cấp là chữ ký của bà G. Tuy nhiên, bà G cho rằng bà vay của ông H 03 lần tiền với số tiền tổng cộng là 60.000.000đ; còn số nợ 90.000.000đ trong biên nhận nợ ngày 20/8/2018 chỉ là nợ lãi cộng dồn, thành nợ gốc chung là 150.000.000đ. Lời trình bày của bà G không được ông Huỳnh Văn H thừa nhận và bà G cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định bà G vay của ông H chỉ có 60.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 20/8/2018 và cũng thừa nhận bà không có chứng cứ chứng minh bà chỉ vay số tiền 60.000.000đ của ông H nên có cơ sở xác định bà G vay của ông H số tiền 150.000.000đ như biên nhận nợ ngày 20/8/2018 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 03/5/2021 của Tòa án với chính quyền địa phương thể hiện bà G và ông Phan Văn X cưới nhau cách nay khoảng 30 năm, đến nay vẫn còn sống chung

làm kinh tế chung nên có cơ sở xác định số nợ bà G vay của ông H là trong thời kỳ hôn nhân của bà G với ông X nên ông H yêu cầu bà G và ông Phan Văn X phải liên đới trả cho ông H và bà Trần Thị D số tiền vay còn thiếu 120.000.000đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của ông Huỳnh Văn H; Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận nợ ngày 20/8/2018 giữa bà G với ông H không có thỏa thuận thời gian trả nợ cũng không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên bà G thừa nhận từ ngày 20/8/2018 thì bà không còn đóng lãi nữa cho ông H nên ông H yêu cầu tính lãi suất 1.3%/tháng và tính từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/3/2021 (31 tháng), thành tiền lãi \48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 468, 357 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (168.360.000đ x 5%): 8.418.000đ (tám triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên bà G, ông X phải liên đới nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 469, 468, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H. Buộc bà Lê Thị G, ông Phan Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị D số tiền vay còn thiếu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 48.360.000đ (bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 168.360.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (168.360.000đ x 5%): 8.418.000đ (tám triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng). Buộc bà Lê Thị G và ông Phan Văn X có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.210.000đ (bốn triệu hai trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007307 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị G, bà Trần Thị D biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Phan Văn X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Vũ